TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 01 - 2023
(V/việc ly hôn, giao nuôi con).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước và ông Nguyễn Văn Lương.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Chiến, thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc "xin ly hôn và giao quyền nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đăng H, sinh năm 1985; Thôn H, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

- Theo nguyên đơn, chị Trần Thị T trình bày: Chị T và anh Trần Đăng H trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Xuân, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 16/7/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ở nhờ nhà người quen rồi sau đó làm nhà trên đất của bố mẹ chồng và ở riêng tại thôn H, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh H cứ ở nhà mà không tìm kiếm việc làm, sinh hoạt gia đình dựa vào thu nhập của chị T nên cuộc sống gặp khó khăn. Chị T đã bàn bạc với anh H về việc làm, nhưng anh H đều kiếm cớ gây gỗ xúc phạm và có hành vi bạo lực với chị T. Do mâu thuẫn bất đồng nên chị T đã đưa

con về sống cùng mẹ đẻ của mình và từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Sau thời gian sống ly thân, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và không thể hàn gắn được nên đã nộp đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Đăng H. Về con, chị T trình bày: Anh H và chị T mỗi người đều đã có một con riêng; Sau khi kết hôn thì vợ chồng chỉ có 01 con chung là Trần Thanh Bảo A, sinh ngày 03/02/2020. Chị T yêu cầu được nuôi cháu Bảo An đến khi trưởng thành. Về con riêng, chị T không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng: chị T yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Bảo A một tháng là 1.000.000.đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi. Về tài sản thì vợ chồng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bị đơn - Anh Trần Đăng H trình bày: Việc hai người đi đến kết hôn như chị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ở nhờ tại nhà của bố mẹ anh H làm tại thôn H, xã Phong Xuân. Sau thời gian sống chung thì vợ chồng xảy ra cãi vã bất đồng nên chị T đưa con về nhà ngoại ở và từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn thì anh H củng đồng ý.

Về con: Anh H xác nhận: Vợ chồng có một con chung là Trần Thanh Bảo A, sinh ngày 03/02/2020, hiện đang sống với mẹ. Nếu ly hôn, anh H đồng ý để chị T trực tiếp nuôi cháu Bảo A đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng thì anh H không đồng ý, vì hiện tại anh H không có thu nhập gì để cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Việc chị T nói vợ chồng có làm nhà riêng là không đúng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hoà giải 02 lần vào ngày 25/9/2022 và ngày 09/12/2022. Nhưng cả hai lần hoà giải, sau khi Thẩm phán lập biên bản ghi nhận ý kiến của các bên đương sự về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án thì anh Trần Đăng H không ký vào biên bản hòa giải mà tự bỏ về.

Theo anh H trình bày: Anh không ký vào các biên bản công khai chứng cứ và hòa giải vì anh không đồng ý việc chị T nói rằng "Vợ chồng có làm căn nhà trên đất của bố mẹ chồng là tài sản chung". Thẩm phán đã giải thích cho anh H rõ là: Mặc dù chị T có trình bày "vợ chồng có làm căn nhà trên đất của bố mẹ chồng" nhưng chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này, chị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì vấn đề mà anh H trình bày sẽ được xem xét giải quyết. Tuy anh H đã được giải thích nhưng vẫn không ký vào biên bản hòa giải. Như vậy, việc anh H không ký biên bản hòa giải thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Chị T yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Bảo An đến trưởng thành; Đồng thời yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là một triệu đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn - Anh Trần Đăng H trình bày: Về tài sản cô T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này thì sau này cô T cũng không được khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng nửa, vì đồ dùng trong nhà thì vợ chồng đã tự thỏa thuận chia; còn nhà ở là của bố mẹ tôi làm, vợ chồng tôi chỉ ở nhờ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phải tuyên bố sau này cô T không được khởi kiện để chia tài sản chung nửa.

Về T cảm vợ chồng, Tôi (H) đồng ý với nội dung mà cô T đã trình bày và đồng ý ly hôn với cô T; Về con chung, chúng tôi có 01 con chung là Trần Thanh Bảo A sinh ngày 03/02/2020. Tôi đồng ý giao cháu Bảo A cho cô T nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con thì anh H không chấp nhận vì anh H cho rằng anh không có việc làm nên không có thu nhập gì để đóng góp cấp dưỡng.

Sau khi được Hội đồng hòa giải, phân tích thì anh H đã đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Bảo A theo yêu cầu của chị T nhưng không chấp nhận chịu án phí.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Anh H đã tham gia hai phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng cả hai lần đều không ký vào biên bản hòa giải. Như vậy, anh H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên thuộc trường hợp "không tiến hành hòa giải được" và vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, nhận thấy: Các đương sự cùng xác nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên anh H và chị T đều xin ly hôn. Về con chung, các đương sự cùng xác nhận vợ chồng có 01 con là Trần Thanh Bảo An sinh ngày 03/02/2020 và thỏa thuận giao cho chị T nuôi dưỡng; Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000.đ cho đến khi cháu Bảo A đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với yêu cầu của anh Trần Đăng H (bị đơn) về việc: Yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bố "sau này chị T không được khởi kiện về chia tài sản chung nửa" là ngoài giới hạn của việc xét xử; mặt khác, quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là quyền bất khả xâm phạm được Bộ luật tố tụng dân sự bảo vệ. Vì vậy, yêu cầu của anh H là không có cơ sở để chấp nhận. Các vấn đề khác, đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Đăng H được UBND xã Phong Xuân đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; Vì vậy, chị

T có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình. Mặt khác, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Phong Xuân, huyện Phong Điền nên vụ án được Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc anh Trần Đăng H đã tham gia hai phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Thẩm phán tổ chức nhưng không ký vào biên bản mà tự bỏ về thuộc trường hợp "không tiến hành hòa giải được" và vụ án được đưa ra xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Tại phiên tòa, anh Trần Đăng H và chị Trần Thị T cùng xác nhận "vợ chồng có sự khác biệt về tính cách và nhận thức nên xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng không thể hàn gắn được". Vì vậy, các đương sự đều xin được ly hôn;

Về con chung, anh H và chị T cùng xác nhận: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thanh Bảo An, sinh ngày 03/02/2020, hiện đang ở với chị T. Các đương sự thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo An đến trưởng thành và anh H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Bảo An mỗi tháng 1.000.000.đ cho đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy: Nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Về tài sản chung và nợ chung, nhận thấy: Nguyên đơn (chị T) trình bày: Vợ chồng sẽ tự thỏa với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến của anh H cho rằng: Nếu trong vụ án này cô T không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì sau này không được kiện để chia tài sản chung nửa và đề nghị Hội đồng tuyên bố sau này cô T không được kiện nửa.

Hội đồng xét thấy: Theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết các vấn đề đương sự có yêu cầu và đã được Tòa án thụ lý. Trong vụ án này, các đương sự đều không có đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên yêu cầu của anh H là nằm ngoài giới hạn của việc xét xử, vì vậy Hội đồng không xem xét. Hội đồng xét xử củng công bố cho anh H biết: Quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo bệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là quyền bất khả xâm phạm được pháp luật bảo vệ nên yêu cầu của anh H là trái pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 55 và 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207, 208, 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử: **1.** Công nhận sự thỏa thuận của anh Trần Đăng H và chị Trần Thị T với các nội dung cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận T ly hôn giữa anh Trần Đăng H và chị Trần Thị T.

1.2.Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Thanh Bảo A, sinh ngày 03/02/2020 (hiện đang ở với mẹ) kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Bảo A đủ 18 tuổi; Anh Trần Đăng H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

1.3.Về cấp dưỡng: Anh Trần Đăng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thanh Bảo A mỗi tháng là 1.000.000.đ (một triệu đồng) kể từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi cháu Bảo An đủ 18 tuổi.

Trường hợp anh H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Chị T đã nộp tạm ứng 300.000.đ theo phiếu thu số 0002006 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền nên được khấu trừ là đủ không pH nộp thêm.

- Buộc Anh Trần Đăng H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng).

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Xuân Đàm